

Số: 91/2024/QĐCNHGT-DS

D, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của **Ngân hàng A** và ông Trần Văn S, bà Trần Thị H.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2024 của **Ngân hàng A**;
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:
 - *Người khởi kiện:* **Ngân hàng A**; địa chỉ trụ sở chính: **Số 2 L, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Thị Thu Huyền- Trưởng phòng Khách hàng **Ngân hàng A – Chi nhánh D, Hải Phòng**; địa chỉ: **Km 11+600 Đường Đ, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng (Theo Văn bản ủy quyền số 295A/NHNo.DK-UQ ngày 04 tháng 9 năm 2024).**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quốc T – Luật sư Công ty Luật T; địa chỉ: **Số 14 H, Đ, H, Hải Phòng.**

- *Người bị kiện:* Chị Trần Thị H và anh Trần Văn S, cùng địa chỉ: **Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 11 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 11 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về khoản vay: Ngân hàng A với chị Trần Thị H và anh Trần Văn S đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 2121-LAV-**** ngày 10 tháng 05 năm 2019, chi tiết như sau: Số tiền vay: 2.100.000.000đ (hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn), mục đích vay: Tân trang nhà ở và mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2019, Lãi suất tại thời điểm vay: 9,5%/năm và lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 112m² và tài sản trên đất, tại thửa đất số 07b, tờ bản đồ 05, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố số 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520***, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00045/Q2 do UBND Quận D cấp ngày 04 tháng 06 năm 2014 cho chủ sử dụng là anh Trần Văn S và vợ là chị Trần Thị H. Tài sản bảo đảm đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 076/2019/HĐTC ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa Ngân hàng A với chị Trần Thị H và anh Trần Văn S, số công chứng ****/2019; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22 tháng 01 năm 2019.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Trần Thị H và anh Trần Văn S vi phạm nghĩa vụ, chậm thanh toán và khoản nợ chuyển quá hạn từ ngày 11 tháng 02 năm 2020. Tính đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2024, chị Trần Thị H và anh Trần Văn S đã trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và được trừ vào dư nợ gốc và còn nợ tổng số tiền là 2.934.114.897đ (hai tỷ, chín trăm ba mươi tư triệu, một trăm mười bốn nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 2.020.000.000đ (hai tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng chẵn), nợ lãi trong hạn là 859.396.233đ (tám trăm năm mươi chín triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng) và nợ lãi quá hạn là 54.718.664đ (năm mươi tư triệu, bảy trăm mười tám nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng).

- **Thời điểm buộc thanh toán:** Chị Trần Thị H và anh Trần Văn S phải thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng A **ngay sau khi phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật.**

- Kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay, chị Trần Thị H và anh Trần Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2.1.4. Nếu chị Trần Thị H và anh Trần Văn S không thực hiện cam kết như đã thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng A có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là toàn bộ tài sản trên đất và quyền sử dụng diện tích đất 112m², thửa đất số 07b, tờ bản đồ 05, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố số 11, phường H, Quận D, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520188, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 00045/Q2 do UBND Quận D cấp ngày 04 tháng 06 năm 2014 cho chủ sử dụng là ông Trần Văn S và vợ là bà Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp số 076/2019/HĐTC ký ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa Ngân hàng A với chị Trần Thị H và anh Trần Văn S, số công chứng 0299/2019; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22 tháng 01 năm 2019 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại, xử lý các tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng A thì chị Trần Thị H và anh Trần Văn S còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ. Nếu số tiền còn thừa sau khi tất toán toàn bộ khoản nợ của chị Trần Thị H và anh Trần Văn S tại Ngân hàng A sẽ trả lại cho chị Trần Thị H và anh Trần Văn S theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn S phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2121-LAV-**** ngày 10 tháng 05 năm 2019 đã được ký kết giữa hai bên.

- Về quyền yêu cầu thi hành: Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND D;
- THADS D;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Duyên

